

Bản án số: 10/ 2022/DS-ST  
Ngày: 25/5/2022  
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Lành  
2. Ông Trần Xuân Viên

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ  
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2021/TLST -DS ngày 15/10/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST- DS ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm 1982. Có mặt  
HKTT: SN 01, tổ 04, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

\* *Bị đơn:* Anh Hoàng Hữu N, sinh năm 1982. Vắng mặt lần hai không có lý do

HKTT: SN 54, tổ 25 mới, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1973 (chồng chị L). Có mặt

HKTT: SN 01, tổ 04, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

\* *Người làm chứng:* Anh Đinh Ngọc L1, sinh năm 1965. Có đơn xin xét xử vắng mặt

HKTT: Tổ 10, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đinh Thị L trình bày:*

Vợ chồng chị và vợ chồng anh Hoàng Hữu N là chỗ thân quen, năm 2018 do cần vốn làm ăn nên anh N có đề nghị vay của chị số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Do tin tưởng nên ngày 29/10/2018, tại số nhà 01, tổ 04, phường Tân

Lập (nhà của vợ chồng chị L) chị đã cho anh Hoàng Hữu N vay số tiền là 300.000.000đ trước sự chứng kiến của chồng chị (anh Nguyễn Hữu H) và anh Đinh Ngọc L1. Nguồn gốc số tiền này là của hai vợ chồng chị. Thời hạn vay đến ngày 29/12/2018 phải trả đủ. Để có cơ sở đảm bảo, hai bên có viết giấy vay nợ, anh N ký tên bên vay, chị ký tên bên cho vay, anh L1 ký tên người làm chứng. Anh Đinh Ngọc L1 còn cho anh N mượn giấy tờ xe ô tô BKS 20A-22086 mang tên Đinh Ngọc L1 để thế chấp cho anh N vay tiền của chị. Đến nay, anh N mới trả cho chị được 120.000.000 đồng, vì là chỗ anh em nên hai bên không có giấy tờ gì. Hiện anh N vẫn còn nợ 180.000.000 đồng, vợ chồng chị đã nhiều lần gọi điện, đến nhà anh N nói chuyện nhưng anh N cố tình trốn tránh không trả nợ.

Tại phiên tòa, chị L đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh N trả toàn bộ số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng tiền gốc. Không bao gồm lãi suất từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử. Chị cũng đề nghị anh N phải trả chi phí giám định chị đã tạm ứng chi là 3.240.000 đồng.

Tài liệu chứng minh: Chị L cung cấp Giấy vay nợ đề ngày 29/10/2018 (Bản chính); Hợp đồng kinh tế ngày 01/12/2018 giữa Công ty TNHH xây dựng Hoàng Hải và Công ty TNHH TM Hiền Ngọc (Bản chính); 01 USB, bên trong có chứa 02 file ghi âm và 09 hình ảnh tin nhắn; Các bản in nội dung tin nhắn với số điện thoại 0978.452.766 (có ghi trong danh bạ: Ngọc Hiền)

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:** Số tiền chị L cho anh N vay là tiền của hai vợ chồng anh tích cóp mà có. Anh đã nhiều lần gọi điện yêu cầu anh N trả nốt số tiền 180.000.000 đồng nhưng anh N cứ lấy lý do khát nợ, cũng không ra Tòa để giải quyết. Anh đã ghi âm cuộc gọi giữa anh với chị H1 (vợ anh N), có cả tin nhắn giữa anh và anh N, trong đó chị H1 nói là đã bảo với anh N về việc vợ chồng anh khởi kiện ra Tòa và bảo anh N về giải quyết nhưng anh N nói không về được.

Tại phiên tòa, anh H đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh N phải trả cho vợ chồng anh toàn bộ số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng. Không bao gồm lãi suất từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử. Anh cũng đề nghị anh N phải trả chi phí giám định là 3.240.000 đồng.

**\* Người làm chứng Đinh Ngọc L1 tại bản tự khai ngày 22/11/2021, biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022, biên bản hòa giải ngày 29/3/2022 trình bày:** Ngày 29/10/2018, tại số nhà 01, tổ 04, phường Tân Lập (nhà của chị Đinh Thị L) anh có chứng kiến việc anh Hoàng Hữu N, địa chỉ ở tổ 38 (nay là tổ 25) phường PDP, thành phố TN vay của chị Đinh Thị L số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để làm ăn. Do có mối quan hệ thân quen với nhau, anh N có nhờ anh bảo lãnh cho việc vay nợ với chị L. Anh cũng đã đồng ý cho anh N mượn giấy tờ xe ô tô BKS 20A-22086 mang tên Đinh Ngọc L1 để thế chấp cho việc vay tiền. Anh L1 cũng là người chứng kiến việc chị L đưa cho anh N 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn thỏa thuận trả tiền là ngày 29/12/2018. Hai bên có viết giấy vay nợ đề ngày 29/10/2018, anh N ký tên bên vay, chị L ký tên bên cho vay, anh ký tên dưới mục người làm chứng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt các giấy triệu tập, thông báo tiếp cận chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh N nhưng anh N không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS, bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa, không chấp hành các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Áp dụng các 357; Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Hoàng Hữu N phải trả cho chị Đinh Thị L số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng, không bao gồm lãi suất. Buộc anh N phải trả cho chị L chi phí giám định là 3.240.000 đồng. Anh N phải chịu án phí DSST theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn anh Hoàng Hữu N có HKTT tại phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ các Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Bị đơn anh N vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015.

[2]. *Về nội dung*: Do có quan hệ thân quen nên chị Đinh Thị L có cho anh Hoàng Hữu N vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích để anh N kinh doanh, nguồn gốc số tiền trên là của hai vợ chồng chị L, anh H. Hai bên có thỏa thuận viết giấy vay nợ đề ngày 29/10/2018. Địa điểm cho vay là số nhà 01, tổ 04, phường Tân Lập (nhà của vợ chồng chị L), người làm chứng là anh Đinh Ngọc L1. Đến nay, anh N mới trả cho chị được 120.000.000đ và còn nợ 180.000.000 đồng. Chị đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh N trả số tiền nợ là 180.000.000 đồng. Không bao gồm lãi suất từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Yêu cầu khởi kiện của chị L là có cơ sở, bởi lẽ:

- “Giấy vay nợ” đề ngày 29/10/2018 do chị L cung cấp là bản gốc. Về hình thức được đánh máy, có một số đoạn viết bằng tay trên hai mặt giấy A4. Gồm những nội dung: “*Giấy vay nợ. Hôm nay ngày 29/10/2018 tại số nhà 01, tổ 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên*”

1. *Bên cho vay (Bên A): Đinh Thị L – CMND số 090873838 cấp ngày 24/8/2012 nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên*

2. Bên vay (Bên B): Họ tên Hoàng Hữu N. Địa chỉ: tổ 38, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên. CMND số 091868085, cấp ngày 10/9/2012 nơi cấp công an tỉnh Thái Nguyên. SĐT: 0978452766

Hai bên thống nhất nội dung sau: Bên vay (Bên B) Hoàng Hữu N có vay của Bên A - Đinh Thị L số tiền 300.000.000 (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) mục đích vay tiền trong hai tháng. Bên B Hoàng Hữu N có thể chấp giấy tờ xe ô tô biển số 20A-220.86 tên Đinh Ngọc L1. Địa chỉ: tổ 23, Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên. số khung 43G799261374, Số máy 17R6825122, loại xe Toyota, màu bạc.

Bên B cam kết trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận với bên A, nếu sai hoặc không đúng hạn bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Bên A chỉ nhận thanh toán một lần bằng Việt Nam đồng khi đến hạn bên B phải trả ...”

Cuối mục Bên vay có chữ ký và viết “ Ngọc - Hoàng Hữu N”, Bên cho vay “Long – Đinh Thị L”, người làm chứng “Long - Đinh Ngọc L1”. Các thỏa thuận trong giấy vay nợ phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

Vợ chồng chị L, anh H và người làm chứng (anh L1) đều khẳng định chữ viết, chữ ký “Ngọc - Hoàng Hữu N” dưới mục bên vay trong giấy vay nợ trên là của anh N. Tại kết luận giám định số 382/KLKTTHS ngày 18/02/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: chữ viết, chữ ký mang tên Hoàng Hữu N trên mẫu cần giám định ký hiệu A (Giấy vay nợ) so với chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Hữu N trong các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 (là các tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp Hiền Ngọc do Sở kế hoạch đầu tư cung cấp cho Tòa án và Hợp đồng kinh tế ngày 01/12/2018 giữa công ty TNHH Hiền Ngọc và Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hoàng Hải) là do cùng một người viết ra.

Người làm chứng anh L1 cũng khẳng định anh chứng kiến chị L đưa cho anh N vay số tiền 300.000.000 đồng tại nhà của chị L. Ngoài ra, để đảm bảo trách nhiệm trả nợ của anh N, anh đã đồng ý cho anh N mượn giấy tờ xe ô tô BKS 20A-22086 mang tên Đinh Ngọc L1 để làm tin cho việc vay tiền. Thực tế các giấy tờ xe ô tô anh L1 vẫn đang giữ nên không có yêu cầu gì đối với vợ chồng chị L.

- Đối với các chứng cứ là các bản chụp nội dung tin nhắn từ số điện thoại của anh H đến số điện thoại 0978.452.766 (tên lưu trong danh bạ của anh H là Hiền Ngọc) có nội dung: Người có tên Hiền Ngọc có vay mượn tiền của vợ chồng anh H, chị L nhưng không muốn gặp và chưa có tiền để trả. Theo kết quả xác minh tại Chi nhánh tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội - Viettel Thái Nguyên thì số điện thoại 0978.452.766 được đăng ký dưới tên Công ty TNHH Hiền Ngọc do anh N làm giám đốc.

- Về USB chứa file ghi âm chị L cung cấp cho Tòa án: theo chị L, anh H file ghi âm chứa nội dung cuộc điện thoại giữa anh H và chị H1 vợ anh N. Trong đó chị H1 nói đã chuyển giấy báo của Tòa lên cho anh N theo đường bưu điện, chị H1 có thắc mắc việc chị L gửi đơn khởi kiện ra Tòa không thông báo cho gia đình chị, chị không muốn vụ việc được đưa ra Tòa. Hiện nay, anh N đang khó khăn, hai năm nay chưa nghiệm thu được công trình nào nên chưa có tiền để trả

nợ. Vì điều kiện ở xa, anh N không về được, cần thiết thì chị sẽ bảo anh N viết giấy nợ lại rồi gửi bưu điện về cho anh H. Anh H nói anh gọi điện cho anh N nhiều lần, gọi cho chị H1 nhiều lần nhưng anh N không nghe máy, anh đã nhắn tin nhưng anh N không về, chính vì thế anh mới gửi đơn ra Tòa.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn anh N không hợp tác, Tòa án không thu thập được lời khai của anh N và chị H1, do anh N, chị H1 không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Tuy nhiên, căn cứ vào những tài liệu chứng cứ như giấy vay nợ đề ngày 29/10/2018, lời khai của nguyên đơn chị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H, người làm chứng anh L1, kết luận giám định, nội dung các file ghi âm, tin nhắn, kết quả xác minh số điện thoại tại Chi nhánh tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội - Viettel Thái Nguyên, đã có đủ cơ sở để khẳng định, việc chị L cho anh N vay số tiền 300.000.000 đồng là có thật. Về số tiền anh N đã trả theo chị L khai là 120.000.000 đồng nhưng hai bên không có giấy biên nhận gì, do anh N không hợp tác nên chỉ xác định được số tiền đã trả theo cung cấp của nguyên đơn.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh N phải trả cho vợ chồng chị L, anh H 180.000.000 đồng đã vay theo giấy vay nợ đề ngày 29/10/2018. Không xem xét lãi suất từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử do nguyên đơn không yêu cầu.

[4]. *Về chi phí tố tụng khác*: Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 3.240.000 đồng. Chị L có yêu cầu anh N phải trả cho chị phần chi phí này. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị L là có cơ sở theo quy định tại Điều 162 BLTTDS năm 2015 nên chấp nhận.

[5]. *Về án phí*: Anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Hoàn lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 26; 35, 39; 93; 95; 147; 161; 162; Khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng; Điều 357; Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 32/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L. Buộc anh Hoàng Hữu N phải trả cho chị Đinh Thị L, anh Nguyễn Hữu H tổng số tiền đã vay là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Không bao gồm lãi suất từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

**2. Chi phí tố tụng khác:** Buộc Anh Hoàng Hữu N trả cho chị L tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

**3. Án phí:** Anh Hoàng Hữu N phải nộp 9.000.000đ (Chín triệu đồng) án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

Hoàn lại chị L số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000561 ngày 14/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết,

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các ĐS;
- Lưu HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tứ Xuân**



